TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HÒA
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án hình sự sơ thẩm
Số: 10/2018/HSST
Ngày: 07/6/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Minh Thu

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Mai Xuân Tin – Phó Chủ tịch UBND xã Hòa Tân Đông, huyện Đông Hòa và ông Nguyễn Bảo Toàn – Phó Hiệu trưởng trường THPT Lê Trung Kiên.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Huỳnh Tứ

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hoà tham gia phiên toà*: Ông Phan Văn Công - Kiểm sát viên.

Hôm nay, vào lúc 08 giờ 00 ngày 07 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 09/HSST ngày 26 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Huy Đ (tên gọi khác: X) - sinh năm 1996; Nơi ĐKHKTT: khu phố 5, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá 9/12; con ông: Nguyễn Văn L – sinh năm 1972 và bà: Trần Thị H – sinh năm 1973; Tiền án: Ngày 05/8/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Chấp hành xong ngày 15/6/2017; tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 18/01/2018, có mặt tại phiên tòa.

2. Đỗ Văn M (tên gọi khác: TN), sinh năm 1995; Nơi ĐKHKTT: khu phố P2, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 9/12; con ông: Đỗ Thanh B – sinh năm 1969 và bà: Trương Thị R – sinh năm 1970; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 18/01/2018, có mặt.

3. Nguyễn Ngọc Đ - sinh ngày 13/10/2001; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: khu phố A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Thợ nhôm; trình độ văn hoá: 9/12; con ông: Nguyễn Ngọc T – sinh năm 1968 và bà: Phan Thị L – sinh năm 1969; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Đỗ Nguyễn Nhật T - sinh ngày 10/9/2000; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: khu phố A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 5/12; con ông: Đỗ Văn T – sinh năm 1969 và bà: Nguyễn Thị H – sinh năm 1971; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Văn Phú C - sinh ngày 08/5/2000; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: khu phố X, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 9/12; con ông: Văn Phú H – sinh năm 1967 và bà: Đặng Thị T – sinh năm 1967; Tiền án: không; tiền sự: Ngày 10/12/2017, bị Công an huyện Đông Hòa xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác; Nhân thân: Ngày 12/3/2018, bị Công an huyện Đông Hòa khởi tố về tội Cố ý gây thương tích theo khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự; Ngày 04/4/2018, bị Công an huyện Đông Hòa khởi tố về tội Chống người thi hành công vụ theo khoản 1 Điều 330 Bộ luật hình sự; Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác, có mặt.

**** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc Đ, Đỗ Nguyễn Nhật T, Văn Phú C:*** Ông Nguyễn N, Luật sư – Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên, có mặt.

**** Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Ngọc Đ***: Ông Nguyễn Ngọc T – sinh năm 1968; bà Phan Thị L – sinh năm 1969; cùng trú tại: khu phố A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (là cha, mẹ ruột), có mặt.

**** Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đỗ Nguyễn Nhật T***: Ông Đỗ Văn T – sinh năm 1969; bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1971; cùng trú tại: khu phố X, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (là cha, mẹ ruột), có mặt.

**** Người đại diện hợp pháp của bị cáo Văn Phú C***: Ông Văn Phú H – sinh năm 1967; bà Đặng Thị T – sinh năm 1967; cùng trú tại: khu phố X, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (là cha, mẹ ruột), có mặt.

**** Bị hại:***

1. Anh Võ Thanh G – sinh năm 1978; Vắng mặt.
Nơi cư trú: thôn X, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

2. Anh Hồ Văn T – sinh năm 1974; Vắng mặt.
Nơi cư trú: thôn N, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

3. Ông Trần Ngọc T – sinh năm 1966; Vắng mặt.
Nơi cư trú: thôn M, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

4. Chị Đặng Thị Út L – sinh năm 1977; ông Nguyễn L - sinh năm 1974;
Cùng cư trú: khu phố P3, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

5. Anh Lê Văn S - sinh năm 1985; Vắng mặt.
chị Nguyễn Thị H – sinh năm 1993; Có mặt.
Cùng cư trú: thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

6. Chị Phạm Thị N - sinh năm 1983; anh Lê Văn T – sinh năm 1980;
Cùng cư trú: thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

7. Anh Nguyễn Văn L – sinh năm 1984; Vắng mặt.

Nơi cư trú: khu phố P, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

8. Anh Trần Văn H – sinh năm 1977; Vắng mặt.

Nơi cư trú: khu phố B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

9. Chị Hồ Thị A – sinh năm 1975; anh Nguyễn Ngọc N – sinh năm 1971; Vắng mặt.

Cùng cư trú: thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

10. Anh Trình Xuân Q – sinh năm 1981; chị Trần Thị Lệ H – sinh năm 1986; Vắng mặt.

Cùng cư trú: khu phố Q, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

11. Anh Lê Văn Đ – sinh năm 1973; Vắng mặt.

Nơi cư trú: khu phố P 2, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

12. Anh Lê Văn T – sinh năm 1972; Có mặt.
Nơi cư trú: thôn T1, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Nguyễn Tấn T – sinh ngày 29/12/2001; Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Tấn T – sinh năm 1978, cùng trú tại: khu phố X, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (là cha ruột). Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Huy C – sinh năm 1989; Vắng mặt.
Nơi cư trú: khu phố P2, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

3. Chị Huỳnh Thị V – sinh năm 1997; Vắng mặt.
Nơi cư trú: khu phố Q, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

4. Anh Trần Văn L – sinh năm 1991; Vắng mặt.
Nơi cư trú: khu phố P1, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

5. Anh Phạm Nhật T – sinh năm 1977; Có mặt.
Nơi cư trú: khu phố Q, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

6. Anh Lê Văn T – sinh năm 1982; Vắng mặt.
Nơi cư trú: khu phố P3, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

7. Anh Nguyễn Văn V – sinh năm 1978; Vắng mặt
Nơi cư trú: khu phố P, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

8. Em Văn Tấn H – sinh ngày 21/12/2000; Người giám hộ: ông Văn Tấn S – sinh năm 1972 (là cha ruột);

Cùng cư trú: thôn T1, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

9. Em Lê Thanh T - sinh ngày 25/5/2000; Người giám hộ: ông Lê Văn T

– sinh năm 1970 (là cha ruột); Vắng mặt.
Cùng cư trú: khu phố C, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

10. Ông Nguyễn Văn L – sinh năm 1972, Vắng mặt; bà Trần Thị H, sinh năm 1973, có mặt.
Nơi cư trú: khu phố Q, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

11. Bà Trương Thị R – sinh năm 1970; Ông Đỗ Thanh B – sinh năm 1969;
Cùng cư trú: khu phố P2, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

12. Chị Phùng Thị C – sinh năm 1994; có mặt.
Nơi cư trú: thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

13. Ông Võ Q - sinh năm 1958; Vắng mặt.
Nơi cư trú:36 B Đường G, phường Z, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Nguyễn Huy Đ, Đỗ Văn M, Nguyễn Ngọc Đ, Đỗ Nguyễn Nhật T, Văn Phú C bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hoà truy tố hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 14/01/2018, Đỗ Văn M, Nguyễn Huy Đ rủ nhau đi trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền tiêu xài, M điều khiển xe mô tô biển số 78G1-319.13 (do M đứng tên chủ sở hữu) chở Huy Đ đi từ thị trấn H đến thôn V, xã H theo tuyến đường Quốc lộ 29, khi đến đoạn P – B gần khu vực T thuộc thôn V, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, thì phát hiện xe mô tô biển số 78G1-066.63 của Lê Văn T đang dựng ở lề đường không có người trông giữ nên M dừng xe và đứng cảnh giới, Huy Đ đến giật dây bình xe mô tô biển số 78G1-066.63 rồi điều khiển chạy về nhà Huy Đ ở khu phố A, thị trấn H (bên trong cốp xe có 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 78F3-4752 đứng tên Nguyễn Thị Kim H là vợ của Lê Văn T, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe của Lê Văn T). Đến 21 giờ cùng ngày Đỗ Nguyễn Nhật T đến nhà Huy Đ chơi thì Huy Đ nhờ Nhật T đem xe mô tô trộm được về nhà Nhật T cất giấu, Nhật T biết rõ xe mô tô biển số 78G1-066.63 là do Huy Đ trộm cắp được mà có nhưng vẫn đem về nhà ở khu phố A, thị trấn H cất giấu, đến ngày 17/01/2018, Huy Đ nhờ Nhật T đem xe mô tô biển số 78G1-066.63, đến nhà Huy Đ thì T đồng ý, trên đường đi thì T bị Công an huyện Đông Hòa phát hiện, mời về làm việc.

Quá trình điều tra Nguyễn Huy Đ, Đỗ Văn M còn khai nhận, từ ngày 28/10/2017 đến ngày 06/01/2018 trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Phú Yên, cùng Nguyễn Ngọc Đ (sinh ngày 01/9/2001), Nguyễn Tấn T (sinh ngày 29/12/2001) thực hiện 11 vụ trộm cắp tài sản, trong đó Nguyễn Ngọc Đ tham gia 01 vụ, Tấn T tham gia 02 vụ, cụ thể:

- Vụ 1: khoảng 19 giờ 15 phút ngày 28/10/2017, Đỗ Văn M điều khiển xe mô tô biển số 78FB-6460 (do Nguyễn Văn L làm chủ sở hữu) chở Nguyễn Huy Đ, Nguyễn Ngọc Đ (sinh ngày 01/9/2001) đến khu vực Cầu B thuộc khu phố P2, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, thì phát hiện xe mô tô biển số 78H3-1707 của Võ Thanh G đang dựng trên bờ ruộng không có người trông giữ nên Nguyễn

Huy Đ rủ Nguyễn Ngọc Đ, M lấy trộm xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài thì Nguyễn Ngọc Đ, M đồng ý. Sau đó, Nguyễn Ngọc Đ, M đứng cảnh giới, Nguyễn Huy Đ đến giật dây bình rồi điều khiển xe mô tô biển số 78H3-1707 (bên trong cốp xe có 01 giấy phép lái xe của Võ Thanh G) đến khu vực Nghĩa trang thuộc khu phố Q, thị trấn H tháo bỏ biển số 78H3-1707 rồi lấy biển số 78H1-0136 gắn vào xe mô tô. Sau đó bán cho Đỗ Nguyễn Nhật T trú khu phố A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (tại thời điểm mua T không biết xe mô tô là do trộm cắp mà có) được 600.000 đồng, chia nhau tiêu xài cá nhân.

- Vụ 2: khoảng 18 giờ ngày 16/11/2017, Đỗ Văn M điều khiển xe mô tô biển số 78G1-319.13 chở Nguyễn Huy Đ đến khu phố P1, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, lấy trộm xe mô tô biển số 78H5-8666 của Hồ Văn T, bán cho Nguyễn Huy C trú khu phố P2, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (tại thời điểm mua C không biết xe mô tô là do trộm cắp mà có) được 600.000 đồng, chia nhau tiêu xài.

- Vụ 3: khoảng 19 giờ 30 phút ngày 01/12/2017, Đỗ Văn M điều khiển xe mô tô biển số 78FB-6460 chở Nguyễn Huy Đ, Nguyễn Tấn T (sinh ngày 29/12/2001) đến thôn M, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, lấy trộm xe mô tô biển số 78M1-2704 của Trần Ngọc T, bán cho Nguyễn Huy C (tại thời điểm mua C không biết xe mô tô là do trộm cắp mà có) được 600.000 đồng chia nhau tiêu xài.

-Vụ 4, 5: khoảng 19 giờ ngày 02/12/2017, Đỗ Văn M điều khiển xe mô tô 78G1-346.81 (do Huỳnh Thị V làm chủ sở hữu) chở Nguyễn Huy Đ, Nguyễn Tấn T (sinh ngày 29/12/2001) đến thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, thì phát hiện xe mô tô biển số 78H3-4466 của Đặng Thị Út L dựng trên đường không có người trông giữ nên M, Huy Đ, T thống nhất lấy trộm xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài, sau đó Huy Đ đến giật dây bình rồi T điều khiển xe mô tô biển số 78H3-4466 chạy đến thị trấn H, huyện Đ, còn M điều khiển xe mô tô biển số 78G1-346.81 chở Đại đến khu phố B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên thì phát hiện xe mô tô biển số 78N4-7232 của Lê Văn S dựng trên đường chìa khóa còn gắn trên xe, không có người trông giữ nên Đ, M bàn bạc thống nhất lấy trộm xe. M đứng cảnh giới còn Đ xuống khởi động máy, điều khiển xe mô tô biển số 78G1-7232 đến khu vực rừng dương thuộc thị trấn H cất giấu (bên trong cốp xe có 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 78N4-7273 của Nguyễn Thị H). Sau đó Đ, M, T đem xe mô tô biển số 78H3-4466 bán cho Trần Văn L trú khu phố P2, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (tại thời điểm mua L không biết xe mô tô là do trộm cắp mà có) được 500.000 đồng chia nhau tiêu xài, đối với xe mô tô biển số 78G1-7232, ngày 03/12/2017 Đ rủ một người phụ nữ tên S (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đem xe mô tô biển số 78G1-7232 bán cho Võ Q (tại thời điểm mua Q không biết xe mô tô là do trộm cắp mà có) được 7.500.000 đồng, chia nhau tiêu xài, sau đó Q đem xe mô tô biển số 78N4-7232 bán cho Phùng Thị C được 10.750.000 đồng.

- Vụ 6: khoảng 19 giờ 30 phút ngày 10/12/2017, Đỗ Văn M điều khiển xe mô tô biển số 78G1-319.13 chở Nguyễn Huy Đ đến thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, lấy trộm xe mô tô biển số 78H8-8678 của Phạm Thị N (bên trong cốp

xe có 01 giấy phép lái xe, 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 78H8-8678 của Nguyễn Thị N), đem cầm cố cho Phạm Nhật T trú khu phố Q, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (tại thời điểm cầm cố T không biết xe mô tô là do trộm cắp mà có) được 1.000.000 đồng, chia nhau tiêu xài.

- Vụ 7: khoảng 19 giờ ngày 14/12/2017, Đỗ Văn M điều khiển xe mô tô biển số 78G1-319.13 chở Nguyễn Huy Đ đến thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, lấy trộm xe mô tô biển số 78H4-1760 của Nguyễn Văn L đem bán cho Nguyễn Văn T trú khu phố P3, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (tại thời điểm mua T không biết xe mô tô là do trộm cắp mà có) được 600.000 đồng, chia nhau tiêu xài.

- Vụ 8: khoảng 18 giờ 30 phút ngày 20/12/2017, Đỗ Văn M điều khiên xe mô tô biển số 78G1-319.13 chở Nguyễn Huy Đ đến khu phố C, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, lấy trộm xe mô tô biển số 78F2-6597 của Trần Văn H đem bán cho Nguyễn Văn V trú khu phố P, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (tại thời điểm mua V không biết xe mô tô là do trộm cắp mà có) được 950.000 đồng, chia nhau tiêu xài.

- Vụ 9: khoảng 19 giờ ngày 29/12/2017, Đỗ Văn M điều khiển xe mô tô biển số 78G1-319.13 chở Nguyễn Huy Đ đến thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, lấy trộm xe mô tô biển số 78F8-3148 của Hồ Thị A đem bán cho Văn Phú C (tại thời điểm mua C biết rõ xe mô tô do M, Đ trộm cắp mà có) được 650.000 đồng, chia nhau tiêu xài, sau khi mua xe mô tô biển số 78F8-3148 C đưa cho Văn Tấn H trú thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên cất giữ (H không biết xe mô tô là do C mua được từ trộm cắp mà có).

- Vụ 10: khoảng 19 giờ ngày 03/01/2018, Đỗ Văn M điều khiển xe mô tô biển số 78G1-319.13 chở Nguyễn Huy Đ đến thôn V, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, lấy trộm xe mô tô biển số 78L1-3504 của Trình Xuân Q, đem đến khu vực rừng dương gần bệnh viện Đ thuộc thị trấn H tháo bỏ biển số 78L1-3504 rồi lấy biển số 78G1-210.04 gắn vào, sau đó M sử dụng để làm phương tiện đi lại.

- Vụ 11: khoảng 19 giờ 30 phút ngày 06/01/2018, Đỗ Văn M điều khiển xe mô tô biển số 78G1-319.13 chở Nguyễn Huy Đ đến khu phố P2, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, lấy trộm xe mô tô biển số 78H2-8346 của Lê Văn Đ, rồi gọi điện thoại bán cho Văn Phú C thì C đồng ý mua với giá 650.000 đồng (tại thời điểm mua C biết rõ xe mô tô do M, Đ trộm cắp mà có), do C đang đi làm tại N nên gọi điện thoại nhờ Lê Thanh T trú khu phố C, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên đi lấy xe giúp, do Thanh T có việc bận nên nhờ lại Văn Tấn H lấy xe, sau đó H rủ Nguyễn Hữu T trú thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên đến gặp Đ, M để lấy xe mô tô biển số 78H2-8346 đem về nhà T cất giấu (tại thời điểm đi lấy giúp C xe mô tô biển số 78H2-8346, Hữu T, H, Thanh T không biết là xe mô tô do trộm cắp mà có).

Tại bản kết luận giá trị tài sản ngày 17/01/2018 của Hội đồng định giá UBND huyện Đông Hòa kết luận: tại thời điểm xảy ra vụ án, xe mô tô nhãn hiệu Sirius biển số 78G1-066.63 (vụ trộm ngày 14/01/2018) có giá 13.790.000 đồng.

Tại các bản kết luận giá trị tài sản ngày 13/02/2018 của Hội đồng định giá UBND huyện Đông Hòa kết luận: tại thời điểm xảy ra vụ án, các xe mô tô có giá như sau:

+ Xe mô tô nhãn hiệu DEAHAN, kiểu dáng Dream biển số 78H3-1707 (vụ trộm ngày 28/10/2017) có giá 3.400.000 đồng.

+ Xe mô tô nhãn hiệu RIRENA, kiểu dáng Wave biển số 78H5-8666 (vụ trộm ngày 16/11/2017) có giá 1.500.000 đồng.

+ Xe mô tô kiểu dáng Wave biển số 78M1-2704 (vụ trộm ngày 01/12/2017) có giá 1.800.000 đồng.

+ Xe mô tô nhãn hiệu MAJESTY, kiểu dáng Wave biển số 78H3-4466 (vụ trộm ngày 02/12/2017) có giá 2.450.000 đồng.

+ Xe mô tô nhãn hiệu Sirius biển số 78N4-7232 (vụ trộm ngày 02/12/2017) có giá 10.835.000 đồng.

+ Xe mô tô nhãn hiệu SADOKA, kiểu dáng Wave biển số 78H8-8678 (vụ trộm ngày 10/12/2017) có giá 1.750.000 đồng.

+ Xe mô tô nhãn hiệu MAJESTY, kiểu dáng Wave biển số 78H4-1760 (vụ trộm ngày 14/12/2017) có giá 1.750.000 đồng.

+ Xe mô tô nhãn hiệu DREAM II biển số 78F2-6597 (vụ trộm ngày 20/12/2017) có giá 4.000.000 đồng.

+ Xe mô tô nhãn hiệu FANLIN, kiểu dáng Dream biển số 78F8-3148 (vụ trộm ngày 29/12/2017) có giá 2.275.000 đồng.

+ Xe mô tô nhãn hiệu EST, kiểu dáng Wave biển số 78L1-3504 (vụ trộm ngày 03/01/2018) có giá 3.200.000 đồng.

+ Xe mô tô nhãn hiệu RIRENA, kiểu dáng Wave biển số 78H2-8346 (vụ trộm ngày 06/01/2018) có giá 1.750.000 đồng.

Tại các bút lục số: 80, 82, 115, 117, 119, 121, 123, 125, 127, 129, 131, 133, 135, 203, 211, 219, 228, 238, 253, 264, 277, 291, 300, 310, 322, 350, 351, 352, 353, 354, 356, 357, 358, 394, 395, 396, 397, 398, 399, 433, 434, 458, 482, 483, 484, 485, 489, 490, 491, 499, 500, 504, 505, 516, 520, 530, 531, 542, 543, 551, 557, 565, 575.

* Vật chứng vụ án:

- Đã trả lại cho chủ sở hữu các vật chứng sau:

+ Các xe mô tô biển số 78G1-066.63, 78H3-1707, 78H5-8666, 78M1-2704, 78N4-7232, 78H8-8678, 78H4-1760, 78F2-6597, 78F8-3148, 78L1-3504, 78H2-8346, 78FB-6460, 78G1-346.81.

+ 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 78F3-4752, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe của Lê Văn T; 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 78N4-7273 của Nguyễn Thị H; 01 giấy phép lái xe, 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 78H8-8678 của Phạm Thị N; 01 giấy phép lái xe của Võ Thanh G.

+ Các biển số xe mô tô 78H3-1707, 78F2-6597, 78L1-3504, 78H1-0136.

- Đang tạm giữ các vật chứng sau:

+ 01 xe mô tô và giấy phép xe mô tô biển số 78G1-319.13, 01 kiềm cộng lực, 01 tua vít.

+ Các biển số xe mô tô 78G1-210.04, 78N4-7259.

* Về dân sự:

- Đỗ Văn M đã nhờ mẹ ruột là Trương Thị R bồi thường cho Phùng Thị C 3.750.000 đồng, Đặng Thị Út L 1.200.000 đồng, Hồ Văn T 700.000 đồng. Võ Q đã trả cho Phùng Thị C 3.000.000 đồng tiền lợi nhuận có được từ việc mua bán xe.

- Các bị hại Lê Văn T, Võ Thanh G, Trần Ngọc T, Hồ Văn T, Lê Văn S, Phạm Thị N, Nguyễn Văn L, Hồ Thị A, Trình Xuân Q, Lê Văn Đ, Đặng Thị Út L, Trần Văn H không yêu cầu gì về dân sự.

- Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Huy C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn V, Đỗ Nguyễn Nhật T, Phạm Nhật T không yêu cầu gì về dân sự.

- Phùng Thị C yêu cầu bồi thường 3.750.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKSĐH ngày 26/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hoà truy tố các bị cáo Nguyễn Huy Đ, Đỗ Văn M về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Nguyễn Ngọc Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009; Đỗ Nguyễn Nhật T về tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Văn Phú C về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, xin Tòa xử mức án thấp để có điều kiện giúp đỡ gia đình.

Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng. Từ ngày 28/10/2017 đến ngày 14/01/2018, trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Phú Yên bị cáo Nguyễn Huy Đ, Đỗ Văn M đã thống nhất đi trộm 12 xe mô tô các loại tổng giá trị tài sản 48.500.000 đồng. Ngày 28/10/2017 tại khu phố P2,

thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên Nguyễn Ngọc Đ đã có hành vi cùng Nguyễn Huy Đ, Đỗ Văn M lấy trộm xe mô tô biển số 78H3-1707 trị giá 3.400.000 đồng. Ngày 14/01/2018 Đỗ Nguyễn Nhật T đã có hành vi biết rõ xe mô tô biển số 78G1-066.63 trị giá 13.790.000 đồng là do Nguyễn Huy Đ, Đỗ Văn M trộm cắp mà có nhưng vẫn chứa chấp. Ngày 29/12/2017, 06/01/2018 Văn Phú C đã có hành vi biết rõ xe mô tô biển số 78F8-3148, 78H2-8346 tổng giá trị 4.025.000 đồng là do Nguyễn Huy Đ, Đỗ Văn M trộm cắp mà có nhưng vẫn tiêu thụ. Tuy nhiên, sau khi phạm tội, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo M đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại, bị cáo Đ đã có 01 tiền án nên lần phạm tội này là tái phạm và khi thực hiện hành vi phạm tội Đ còn rủ rê người dưới 18 tuổi phạm tội nên thuộc trường hợp xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội; Đ và M đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp nên thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Huy Đ từ 30 đến 36 tháng tù; căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Đỗ Văn M từ 24 đến 30 tháng tù; căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 73 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đ từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 100 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Đỗ Nguyễn Nhật T từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; căn cứ khoản 1 Điều 250; điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Văn Phú C từ 03 đến 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Tất cả các bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì về dân sự và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Huy C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn V, Đỗ Nguyễn Nhật T, Phạm Nhật T không yêu cầu gì về dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Võ Q đã trả cho Phùng Thị C 3.000.000 đồng tiền lợi nhuận có được từ việc mua bán xe. Bị cáo Đỗ Văn M đã nhờ mẹ ruột là Trương Thị R bồi thường cho Phùng Thị C 3.750.000 đồng, Đặng Thị Út L 1.200.000 đồng, Hồ Văn T 700.000 đồng. Chị C tiếp tục yêu cầu bị cáo Nguyễn Huy Đ bồi thường 3.750.000 đồng, bị cáo Huy Đ đồng ý bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C. Bà Trương Thị R đã bồi thường thay cho bị cáo M là con ruột. Tại phiên tòa, bà R không yêu cầu bị cáo M trả lại nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Vật chứng vụ án: đề nghị trả lại 01giấy đăng ký xe và xe mô tô 78G1-319.13 cho Ông B, bà R; tịch thu tiêu hủy 01 kiềm cộng lực, 01 tua vít và biển

số xe 78G1-210.04 và giao biển số xe 78N4-7259 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hòa.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T, Đ, C: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt nhẹ nhất đối với các bị cáo chưa thành niên.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Luật sư,

XÉT THẤY:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên toà phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ ngày 28/10/2017, đến ngày 14/01/2018 trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Phú Yên, Nguyễn Huy Đ, Đỗ Văn M đã có hành vi lấy trộm 12 xe mô tô các loại của Võ Thanh G, Hồ Văn T, Trần Ngọc T, Đặng Thị Út L, Lê Văn S, Phạm Thị N, Nguyễn Văn L, Trần Văn H, Hồ Thị A, Trình Xuân Q, Lê Văn Đ, Lê Văn T tổng giá trị tài sản trộm cắp là 48.500.000 đồng. Ngày 28/10/2017, tại khu phố P2, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, Nguyễn Ngọc Đ đã có hành vi cùng Nguyễn Huy Đ, Đỗ Văn M lấy trộm xe mô tô biển số 78H3-1707 trị giá 3.400.000 đồng của Võ Thanh G. Ngày 14/01/2018 Đỗ Nguyễn Nhật T đã có hành vi biết rõ xe mô tô biển số 78G1-066.63 là do Nguyễn Huy Đ, Đỗ Văn M trộm cắp mà có nhưng vẫn chứa chấp. Ngày 29/12/2017 và 06/01/2018, Văn Phú C đã có hành vi biết rõ xe mô tô biển số 78F8-3148, 78H2-8346 là do Nguyễn Huy Đ, Đỗ Văn M trộm cắp mà có nhưng vẫn tiêu thụ.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Huy Đ, Đỗ Văn M đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Nguyễn Ngọc Đ đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009; Đỗ Nguyễn Nhật T đã phạm tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Văn Phú C đã phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hoà truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ.

Hành vi của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác và gây mất trật tự trị an ở địa phương. Các bị cáo Nguyễn Huy Đ, Đỗ Văn M, Nguyễn Ngọc Đ là thanh niên có đủ sức khỏe để lao

động nhưng không chịu lao động để có thu nhập chính đáng hợp pháp mà lén lút chiếm đoạt xe mô tô. Vì vậy cần xử các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, cụ thể như sau:

1/ Đối với bị cáo Nguyễn Huy Đ: Đồng phạm với vai trò vừa là người khởi xướng vừa là người thực hành. Bị cáo đã rủ Đỗ Văn M và Nguyễn Ngọc Đ tham gia trộm cắp. Bị cáo đã thực hiện 12 lần trộm cắp tài sản, chiếm đoạt 12 xe mô tô các loại của bà con nhân dân, thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên. Tổng tài sản mà Nguyễn Huy Đ cùng với các bị cáo khác chiếm đoạt có giá trị 48.500.000 đồng. Bị cáo đã có 01 tiền án nên lần phạm tội này là tái phạm và khi thực hiện hành vi phạm tội Đ còn rủ rê người dưới 18 tuổi phạm tội nên thuộc trường hợp xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội. Vì vậy, đối với Nguyễn Huy Đ phải áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g, h, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, xử mức án nghiêm mới đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thật thà khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, ngoài lần bị phát hiện thì bị cáo còn tự thú khai nhận ra 11 lần phạm tội khác và tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Thị H có mặt xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

2/ Đối với bị cáo Đỗ Văn M: Đồng phạm với vai trò giúp sức tích cực, cùng bị cáo Nguyễn Huy Đ tham gia trộm tổng cộng 12 xe mô tô các loại tổng giá trị tài sản 48.500.000 đồng, bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp nên thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, do đó cũng phải áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, xử mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ phạm tội. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thật thà khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải; ngoài lần bị phát hiện thì bị cáo còn tự thú khai nhận ra 11 lần phạm tội khác; bị cáo đã nhờ gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại Phùng Thị Chung 3.750.000 đồng, Đặng Thị Út L 1.200.000 đồng, Hồ Văn T 700.000 đồng; bị cáo đã có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự và hiến máu tình nguyện trong thời gian ở trong quân ngũ; tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Thị H có mặt xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử mức án thấp hơn so với mức án áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Huy Đ.

3/ Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc Đ: Đồng phạm với vai trò giúp sức, cảnh giới. Bị cáo tham gia 01 lần, chiếm đoạt 01 xe mô tô giá trị tài sản 3.400.000 đồng. Bị cáo phạm tội lúc 16 tuổi 0 tháng 15 ngày (là người dưới 18 tuổi phạm tội), với vai trò không đáng kể, bị rủ rê lôi kéo, đã thật thà khai báo và ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản chiếm

đoạt có giá trị không lớn. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 31, Điều 73 Bộ luật hình sự năm 1999, xử bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ, để bị cáo được tự cải tạo dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

4/ Đối với bị cáo Đỗ Nguyễn Nhật T: Thiện biết rõ xe mô tô biển số 78G1-066.63 là do Nguyễn Huy Đ, Đỗ Văn M trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý cất giữ dùm qua đêm nên hành vi này của bị cáo T đã phạm tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" nên cũng phải xử phạt nghiêm minh. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội lúc 17 tuổi 04 tháng 04 ngày (là người dưới 18 tuổi phạm tội), đã thật thà khai báo và ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, h, i khoản 1 Điều 51, Điều 100 Bộ luật hình sự năm 2015, xử bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ, để bị cáo được tự cải tạo dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Các bị cáo Nguyễn Ngọc Đ và Đỗ Nguyễn Nhật T là người chưa thành niên phạm tội nên không khấu trừ thu nhập của bị cáo.

5/ Đối với bị cáo Văn Phú C: Tuy không hứa hẹn trước nhưng mặc dù biết rõ xe mô tô biển số 78F8-3148, 78H2-8346 là do Nguyễn Huy Đ, Đỗ Văn M trộm cắp mà có nhưng vẫn mua. Hành vi của bị cáo đã gián tiếp tạo điều kiện cho các bị cáo Nguyễn Huy Đ, Đỗ Văn M thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo phạm tội hai lần. Ngoài lần phạm tội này, bị cáo còn thực hiện hành vi "Cố ý gây thương tích" và "Gây rối trật tự công cộng", đang bị khởi tố điều tra. Vì vậy cần áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội lúc 17 tuổi 07 tháng 21 ngày (là người dưới 18 tuổi phạm tội), đã thật thà khai báo và ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm g, h, p khoản 1 Điều 46, Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999, xử mức án không quá ba phần tư mức án đối với người đã thành niên phạm tội, tạo điều kiện để bị cáo sớm được trở về hòa nhập với cộng đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Lê Văn T, Võ Thanh G, Trần Ngọc T, Hồ Văn T, Lê Văn S, Phạm Thị N, Nguyễn Văn L, Hồ Thị A, Trình Xuân Q, Lê Văn Đ, Đặng Thị Út L, Trần Văn H không yêu cầu gì về dân sự và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Huy C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn V, Đỗ Nguyễn Nhật T, Phạm Nhật T không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

Võ Q là người mua xe 78N4 – 7232 với giá 7.500.000 đồng, bán cho chị Phùng Thị C 10.500.000 đồng, đã trả cho Phùng Thị C 3.000.000 đồng tiền lợi nhuận có được từ việc mua bán xe. Võ Q không yêu cầu bị cáo Nguyễn Huy Đ và Đỗ Văn M trả lại tiền bán xe nên không xét. Bị cáo Đỗ Văn M đã nhờ mẹ ruột là Trương Thị R bồi thường cho Phùng Thị C 3.750.000 đồng. Tại phiên tòa, chị C yêu cầu bị cáo Nguyễn Huy Đ tiếp tục bồi thường 3.750.000 đồng, bị cáo Nguyễn Huy Đ đồng ý bồi thường cho chị C 3.750.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc bị cáo Nguyễn Huy Đ bồi thường.

Bà Trương Thị R Bồi thường thay cho bị cáo M tổng cộng 5.650.000 đồng. Bà R là mẹ ruột bị cáo M, không yêu cầu bị cáo M hoàn trả lại số tiền đã bồi thường thay con nên không xét.

Về vật chứng vụ án: xe mô tô 78G1-319.13 do bị cáo M đứng tên chủ sở hữu nhưng là tài sản của cha mẹ bị cáo M mua để Minh sử dụng và cha mẹ bị cáo M xin nhận lại xe để có phương tiện đi lại nên trả lại 01giấy đăng ký xe và xe mô tô 78G1-319.13 cho Ông B, bà R.

Biển số xe 78N4-7259 do ông Nguyễn Thành – sinh năm 1976; trú tại thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên đứng tên chủ sở hữu bán lại cho ông Nguyễn C – sinh năm 1961, trú tại: thôn T1, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; sau đó ông C bán lại cho người khác nhưng không rõ nhân thân lai lịch và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hòa tiếp tục điều tra xác minh, xử lý sau theo quy định nên giao biển số xe 78N4-7259 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hòa để xử lý theo thẩm quyền.

Số vật chứng còn lại gồm: 01 kềm cộng lực, 01 tua vít và biển số xe 78G1-210.04 là biển số giả không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Huy Đ, Đỗ Văn M, Nguyễn Ngọc Đ, Đỗ Nguyễn Nhật T, Văn Phú C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Nguyễn Huy Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Huy Đ, Đỗ Văn M, Nguyễn Ngọc Đ** phạm tội ‘Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo **Đỗ Nguyễn Nhật T** phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Bị cáo **Văn Phú C** phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

Áp dụng khoản khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm

2017, xử phạt bị cáo **Nguyễn Huy Đ 02 năm 09 (chín) tháng tù**; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 18/01/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Đỗ Văn M 01 năm 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 18/01/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 31; Điều 73 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc Đ 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ**.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s, h, i khoản 1 Điều 51, Điều 100 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Đỗ Nguyễn Nhật T 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ**.

Giao bị cáo **Nguyễn Ngọc Đ, Đỗ Nguyễn Nhật T** cho Ủy ban nhân dân thị trấn Hòa Vinh, huyện Đông Hoà, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Khi các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 75 Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo **Văn Phú C 03 (Ba) tháng tù,** thời gian tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự 2015, Điều 589 Bộ luật dân sự 2015, buộc bị cáo Nguyễn Huy Đ bồi thường cho chị Phùng Thị C **3.750.000 đồng** *(Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)*.

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, số vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hòa và Chi cục thi hành án huyện Đông Hòa được xử lý như sau:

- Trả cho ông Đỗ Thanh B và bà Trương Thị R xe mô tô 78G1-319.13 và 01giấy đăng ký xe mô tô 78G1-319.13.

- Giao biển số xe 78N4-7259 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hòa để xử lý theo thẩm quyền.

- Tịch thu tiêu hủy số vật chứng còn lại.

* Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa

án, bị cáo Nguyễn Huy Đ, Đỗ Văn M, Nguyễn Ngọc Đ, Đỗ Nguyễn Nhật T, Văn Phú C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Huy Đ phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo và người đại diện hợp pháp, người bào chữa của bị cáo chưa thành niên; bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI THẨM NHÂN DÂN: **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA:**

Mai Xuân Tin **Nguyễn Bảo Toàn** **Nguyễn Minh Thu**